TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-PT
Ngày 10-5-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp kiện đòi tài sản

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty M (viết tắt là Công ty M); địa chỉ trụ sở: Thôn P, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hữu C, chức vụ: Giám đốc Công ty M, là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trịnh Văn N, Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Đ (Viết tắt là Công ty Đ); địa chỉ trụ sở: Đường T, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lương Mạnh H, chức vụ: Trưởng phòng thanh tra và pháp chế Công ty Đ, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 3209/GUQ ngày 13/12/2022); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Trung tâm T; trụ sở: Phố T, phường M, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của Trung tâm T: Ông Nguyễn Hữu Ư; chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Công ty Đ - T; địa chỉ chi nhánh: Xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình Đ, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty Đ - T; có mặt.

4. Người kháng cáo: Công ty Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Năm 2013, Công ty M ký Hợp đồng mua bán điện với Công ty Đ. Ngày 14/11/2019, Công ty Đ có tiến hành kiểm tra và lập Biên bản hành chính về việc trộm cắp điện tại Công ty M. Theo Báo cáo số 618/BC-ĐLTN ngày 18/11/2019 của T thì tổng số tiền yêu cầu bồi thường là: 24.902.013.262đ. Tuy nhiên, sau đó Đ đưa ra số tiền bồi thường tạm tính với số tiền là: 4.677.106.971 đồng.

Do nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty nên Công ty M đã đồng ý tạm nộp số tiền tạm tính nói trên để Đ tiếp tục cung cấp điện cho quá trình sản xuất.

Qua nhiều buổi làm việc giữa các bên có cam kết: "Công ty Đ đồng ý cấp điện trở lại sau khi Bên mua điện nộp đầy đủ tiền bồi thường thiệt hại do hành vi trộm cắp điện gây ra tạm tính từ ngày 17/10/2019 đến ngày 14/11/2019. Sau khi có kết quả giám định hình sự xác định cụ thể giá trị bồi thường thì nếu số tiền nộp còn thiếu thì Bên mua cam kết nộp đầy đủ, nếu nộp thừa thì Bên bán điện trả lại". (Biên bản làm việc ngày 16/01/2020).

Căn cứ những biên bản làm việc về cam kết của các bên, Công ty M đã nộp số tiền 4.648.438.971 đồng vào tài khoản số 2105211000027 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Thủy Nguyên. Chủ tài khoản: T. Và số tiền 28.668.000đ là chi phí đóng, cắt và khôi phục Trạm biến áp. Để Công ty Đ cung cấp điện trở lại cho Công ty M.

Như vậy Công ty M đã tạm nộp cho T với tổng số tiền là: 4.677.106.971 đồng, trong đó tiền bồi thường tạm tính là 4.648.438.971 đồng và chi phí đóng, cắt điện, khôi phục trạm biến áp là 28.668.000 đồng.

Ngày 19/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Phòng có Quyết định số 02/QĐ-CSHS (DD) về việc Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và Thông báo số 189/TB-PC02(Đ6), ngày 19/3/2021, thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm cho các bên. Cơ quan CSĐT công an thành phố Hải Phòng đã gửi Quyết định không khởi tố vụ án các văn bản tài liệu, chứng cứ có liên quan cho UBND huyện Thủy Nguyên để trên cơ sở đó UBND huyện Thủy Nguyên ra quyết định xử phạt hành chính đối với hành vi trộm cắp điện của Công ty M. UBND huyện Thủy Nguyên đã nhận được toàn bộ hồ sơ liên quan vào ngày 23/3/2021 và đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình yêu cầu Công ty Đ đến phối hợp làm việc tuy nhiên Công ty Công ty Đ cũng như Chi nhánh Công ty Đ – T không phối hợp thực hiện. UBND huyện Thủy Nguyên đã ban hành văn bản số 753/UBND – KT& HT, ngày 02/34/2021; công văn số 863/UBND-KT&HT ngày 14/4/2021 (lần 2) về việc yêu cầu Công ty Đ xác định chính xác sản lượng điện trộm cắp và số tiền bồi thường tương ứng đối với hành vi vi phạm của Công ty M để UBND huyện Thủy Nguyên có cơ sở xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, song Công ty Đ và T đều không hợp tác không phối hợp thực hiện. Do vậy UBND huyện Thủy Nguyên cho đến thời điểm hiện nay không thực hiện được việc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty M.

Sau khi nhận được Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và Thông báo Thông báo số 189/TB-PC02(Đ6) ngày 19/3/2021 thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan CSĐT công an thành phố Hải Phòng, cho đến thời điểm hiện nay Công ty Đ, Chi nhánh Công ty Đ – T không có ý kiến khiếu nại gì nhưng ngày 10/5/2021, Công ty Đ có Thông báo số 1424/PCHP-TTBVPC về việc bồi thường tiền trộm cắp điện theo hợp đồng. Theo nội dung thông báo này: Công ty M đã bồi thường theo hợp đồng cho Công ty Đ số tiền trộm cắp điện là: 4.677.106.971 đồng là đủ và xong nghĩa vụ bồi thường theo đúng quy định của pháp luật, thỏa thuận của hai bên.

Như vậy là Công ty Đ đã tự ý, đơn phương khấu trừ khoản tiền mà Công ty M đã tạm nộp cho T để được cấp điện trở lại. Đây là việc làm vi phạm cam kết giải quyết vụ việc giữa hai bên.

Việc Công ty M nộp số tiền nói trên cho T (Trực thuộc Đ) chỉ là tạm nộp theo số liệu tạm tính của Đ cho mục đích đóng điện trở lại không phải là khoản bồi thường.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa án Công ty Đ, Chi nhánh Công ty Đ - T đã xác định rõ khoản tiền 4.677.106.971 đồng tạm thu của Công ty M do Công ty Đ đang giữ. Nay Công ty M yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc Công Công ty Đ phải trả lại Công ty M khoản tiền tạm nộp nói

trên. Sau khi họp công khai chứng cứ Công ty M có đơn đề nghị bổ sung yêu cầu tính lãi suất của số tiền nói trên theo quy định của pháp luật.

Bị đơn trình bày:

- Về tố tụng: Công ty M khởi kiện đòi lại số tiền tạm ứng để cấp điện trở lại là không đúng quan hệ pháp luật vì số tiền 4.677.106.971 đồng Công ty M đã tạm nộp cho Đ là tiền bồi thường do hành vi trộm cắp điện của bị đơn nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp bồi thường thiệt hại theo Hợp đồng mua bán điện số 13/000038 ngày 20/01/2013 ký kết giữa Công ty Đ và Công ty M và các phụ lục kèm theo. Vì vậy Tòa án thụ lý xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Về yêu cầu khởi kiện: Công ty Đ không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì:

+ Công ty M đã thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hợp đồng, do gian lận trong việc sử dụng điện, thực hiện hành vi trộm cắp điện gây ra cho Công ty Đ phải bồi thường theo đúng quy định của Hợp đồng mua bán điện hai bên đã ký kết và đã được tính toán theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 13, Điều 360, Điều 419 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thiệt hại được bồi thường do vi phạm Hợp đồng.

+ Căn cứ khoản 7.6 Điều 7 của Hợp đồng mua bán điện như sau: *Điều 7. Bên B cam kết bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng trong các trường hợp sau: 7.6 Gian lận trong việc sử dụng điện dưới mọi hình thức. Phải bồi thường thiệt hại cho bên A bằng giá trị sản lượng điện bị mất do hành vi gian lận gây ra.*

Căn cứ các tài liệu: Biên bản kiểm tra sử dụng điện số 198/BB-KTSDĐ của T ngày 14/11/2019 tại Công ty M có phụ lục sơ đồ, hành ảnh kèm theo; Biên bản vi phạm hành chính số 050/2019/BB-VPHC của người có thẩm quyền lập ngày 14/11/2019; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 14/11/2019; Kết luận giám định số 7672/C09-P6 ngày 25/5/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an; các văn bản của cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Phòng điều tra hành vi trộm cắp điện xảy ra tại Công ty M; có đủ căn cứ xác định Công ty M đã thực hiện hành vi trộm cắp điện của Công ty Đ.

Căn cứ văn bản ngày 01/7/2020 và văn bản số 032020/MĐ ngày 24/01/2020 của người đại diện theo pháp luật Công ty M về việc xin cấp điện trở lại trong đó đã thừa nhận hành vi trộm cắp điện là việc làm sai trái mong muốn được khắc phục bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và đơn đề nghị ngày 16/12/2019 của Công ty M do bà Đinh Thị T ký về việc khắc phục hậu quả hợp đồng mua bán điện do Công ty M gây ra đã đề nghị thời giam tính mức bồi thường từ ngày 17/10/2019 đến ngày 14/11/2019 là (27 ngày) chứ không phải từ khi lắp thiết bị đo xa (ngày 26/6/2019).

Căn cứ Biên bản làm việc giữa Tổng công ty điện lực Miền Bắc, Công ty Đ và Công ty M về việc giải quyết đơn đề nghị xin cấp điện trở lại của Công ty M, trong đó có ý kiến của M là đã thừa nhận hành vi trộm cắp điện là việc làm sai trái và mong muốn được khắc phục bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Đ đã tính toán tiền bồi thường thiệt hại do hành vi trộm cắp điện gây ra theo mốc thời gian từ ngày 17/10/2019 đến ngày 14/11/2019 theo cách 2 mục b, khoản 2, Điều 32 Thông tư 27/2013/TT-BCT của Bộ công thương ngày 31/01/2013 được hợp nhất theo Văn bản nhất số 02/VBHN – BCT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ công thương với số tiền phải bồi thường cụ thể là: Tiền bồi thường thiệt hại là 4.648.438.971 đồng; chi phí đóng, cắt điện: 28.668.000 đồng tổng số tiền là 4.677.106.971 đồng. Công ty M đã nộp đủ tiền và được cấp điện trở lại. Đ sau đó có Thông báo số 1424, ngày 10/5/2021 gửi Công ty M về việc thực hiện đủ và xong nghĩa vụ bồi thường. Như vậy, bị đơn có hành vi vi phạm hợp đồng (trộm cắp điện) và phải bồi thường là đúng quy định nên không có căn cứ đòi lại số tiền 4.677.106.971 đồng.

Số tiền bồi thường ban đầu là tạm tính bởi lẽ: Cần xác định mốc thời gian bồi thường thiệt hại cho chính xác nhưng sau khi tính toán và xác định lại thời gian tính toán bồi thường; Công ty Đ đã có thông báo số 1424, ngày 10/5/2021 cho Công ty M là đủ và xong nghĩa vụ bồi thường, việc bồi thường trước đó đã thực hiện xong. Do đó việc Công ty M khởi kiện đòi lại số tiền là không có căn cứ pháp luật.

+ Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 02 ngày 19/3/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Phòng không phải là căn cứ loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Công ty M đối với Công ty Đ.

Thứ nhất, căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Công ty M đối với Công ty Đ là hợp đồng mua bán điện giữa hai bên, do Công ty M đã gian lận trong việc sử dụng điện, thực hiện hành vi trộm cắp điện để sản xuất cho nên phải bồi thường cho Đ. Phương pháp xác định điện năng bồi thường được tính theo quy định của pháp luật về điện lực. Đây là điền khoản thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện giữa hai bên đang có hiệu lực. Theo thỏa thuận khách hàng cứ gian lận, trộm cắp là phải bồi thường cho bên bán điện và phải chịu cách tính mức công suất cao nhất trong biểu đồ phụ tải đăng ký trong hợp đồng mua bán điện.

Thứ hai, tại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 02, ngày 19/3/2021 xác định là không có căn cứ bởi lẽ người thực hiện hành vi trộm cắp là Công ty M đã thực hiện hành vi trộm cắp điện có tính toán, mục đích vụ lợi, khi trạm biến áp nằm trong khuôn viên nhà đất do Công ty M quản lý để xóa dấu vết. Do vậy, việc kiểm tra phát hiện hành vi trộm cắp, bắt quả tang là rất khó khăn. Tại thời điểm kiểm tra ngày 17/10/2019 chưa phát hiện được hành vi vi phạm. Thời điểm kiểm tra ngày 14/11/2019 đã phát hiện được hành vi trộm cắp quả tang của Công ty M

do ông Trần Hữu Chinh và ông Nguyễn Tuân Tiến thực hiện do vậy phải áp dụng pháp luật Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết.

Công ty M thực hiện trộm cắp tài sản của Công ty Đ thỏa mãn cấu thành tội phạm nói trên. Tuy nhiên cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hải Phòng không căn cứ vào Điều 173 của Bộ luật hình sự để khởi tố vụ án, khởi tố bị can là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Công ty Đ sẽ có văn bản đề nghị cơ quan tố tụng có thẩm quyền xem xét lại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 02 ngày 19/3/2021 để khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản để xử lý trước pháp luật tránh bỏ lọt tội phạm thực hiện hành vi trộm cắp điện.

3. Công ty M đòi lại số tiền nói trên là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng mua bán điện vì hợp đồng đang có hiệu lực pháp luật đồng thời vi phạm Luật điện lực. Công ty Đ có quyền hoãn thực hiện Hợp đồng mua bán và ngừng cấp điện để phòng chống tội phạm. (căn cứ Điều 354, 411 Bộ luật dân sự).

Căn cứ Điều 46, 47 văn bản hợp nhất số 03 ngày 29/6/2018 của Văn phòng quốc hội hợp nhất luật điện lực, quy định khách hàng sử dụng điện hoặc khách hàng sử dụng điện lớn có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng mua bán điện. Căn cứ khoản 6 Điều 27 của Văn bản hợp nhất số 03, bên bán điện có quyền ngừng cung cấp điện cho bên mua điện. Trường hợp bên mua điện không thực hiện đúng các quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 46 và điểm b, c khoản 2 Điều 47 của Luật này thì bên bán điện có quyền ngừng cấp điện cho bên mua điện. Căn cứ văn bản hợp nhất đã quy định rõ trách nhiệm phòng ngừa và đấu tranh tội phạm.

Hợp đồng mua bán điện là hợp đồng song vụ đang có hiệu lực pháp luật, Công ty M trộm cắp điện đã thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả nhưng lại khởi kiện đòi lại số tiền đã bồi thường theo hợp đồng là vi phạm.

Với những nội dung trên Công ty Đ đề nghị Tòa án xem xét quy định của pháp luật bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

Tại phiên tòa bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng mua bán điện hai bên đã ký kết; trên cơ sở đó xác định Đ đã tính mức bồi thường thiệt hại do hành vi trộm cắp điện của Công ty M là hoàn toàn đúng có lợi cho Công ty M. Đề nghị hội đồng xét xử xác định nguyên đơn không có quyền khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi nhánh T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bị đơn: Công ty M trộm cắp điện đã thỏa thuận bồi thường, khắc phục hậu quả nhưng lại khởi kiện đòi lại số tiền đã bồi thường theo hợp đồng là vi phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định lại

quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng mua bán điện. Đ đã tính mức bồi thường thiệt hại do hành vi trộm cắp điện của Công ty M là hoàn toàn đúng có lợi cho Công ty M. Trường hợp nguyên đơn Công ty M không thay đổi quan hệ pháp luật tranh chấp đề nghị hội đồng xét xử xác định nguyên đơn không có quyền khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của TAND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, 91, 92, 94, 95, 97, 147, 185 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 158, 159, 163, 166 của Bộ luật dân sự; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M buộc bị đơn Công ty Đ phải trả lại số tiền tạm thu bồi thường là 4.677.106.971 đồng.

2. Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2022, bị đơn Công ty Đ có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của TAND huyện Thủy Nguyên với các nội dung:

- Sửa bản án sơ thẩm Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của TAND huyện Thủy Nguyên theo hướng: Xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán điện. Số tiền bồi thường 4.667.106.971 đồng của Công ty M cho Công ty Đ là thỏa thuận hợp pháp của hai bên, đã có hiệu lực pháp luật; Công ty M đã chuyển tiền cho Công ty Đ nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét dấu hiệu bỏ lọt tội phạm trộm cắp tài sản, chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra lại vụ án trộm cắp tài sản xảy ra tại Công ty M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày căn cứ kháng cáo như sau: Giữa Công ty M và Công ty Đ đang có hợp đồng mua bán điện có hiệu lực pháp luật. Khoản 7.6 của hợp đồng ghi rõ mọi hành vi gian lận sử dụng điện đều phải bồi thường. Các biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm, kết luận giám định của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an đều xác định có hành vi trộm cắp điện của Công ty M nên nguyên đơn phải bồi thường cho bị đơn. Về phương pháp tính toán bồi thường và số tiền bồi thường đều được hai bên thống nhất là 4.667.106.971 đồng. Công ty M đã có nhiều văn bản chấp nhận và tự nguyện bồi thường do hành vi trộm cắp điện và chi phí đóng cắt điện. Số tiền trên đã được nộp vào tài

khoản của Công ty Đ nên đã được xác lập quyền sở hữu của bị đơn - doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước. Mặc dù Cơ quan điều tra đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự nhưng vụ việc vẫn có dấu hiệu tội phạm. Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an còn xác định thiệt hại là sản lượng điện thất thoát trong khoảng thời gian trước ngày 17/10/2022 nhưng bản án sơ thẩm không đề cập đến vấn đề này.

Bị đơn trình bày: Công ty M là khách hàng của Công ty Đ nên Công ty Đ mà trực tiếp là T thường xuyên kiểm tra và sử dụng điện của Công ty M theo quy định. Khi phát hiện có hành vi trộm cắp điện ở Công ty M, Công ty Đ đã trình báo Cơ quan công an để cơ quan Công an giải quyết tin báo tố giác tội phạm và phải chờ Kết luận giám định do Cơ quan điều tra trưng cầu ở Viện khoa học kỹ thuật Hình sự, Bộ Công an. Trong thời gian này, Công ty M có nhiều văn bản về việc đề nghị được khắc phục hậu quả và được đóng điện trở lại. Sau nhiều lần làm việc, hai bên thống nhất cách tính theo Thông tư 27 ngày 31/01/2013 của Bộ Công thương, khoảng thời gian Công ty M có hành vi phạm là từ ngày 17/10 đến ngày 14/11/2019 và sản lượng điện bị thất thoát tương đương với số tiền 4.648.438.971 đồng và chi phí đóng, cắt điện, khôi phục trạm biến áp là 28.668.000 đồng; tổng cộng số tiền Công ty M đã nộp là 4.677.106.971 đồng. Khoảng thời gian vi phạm cũng như số tiền bồi thường này là "tạm tính" vì chờ kết luận giám định của Viện kỹ thuật hình sự, Bộ Công an do Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng trưng cầu giám định; hai bên thống nhất nếu số tiền tạm nộp thiếu thì Công ty M nộp bổ sung, nếu thừa thì Công ty Đ trả lại. Sau khi có Kết luận giám định, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự (về hành vi trộm cắp tài sản tại Công ty M) và Thông báo kết quả giải quyết tin báo tố giác tội phạm. Công ty Đ đã được nhận các văn bản này cùng Kết luận giám định. Kết luận giám định kết luận không đủ dữ liệu nên không xác định được lượng điện tiêu thụ thực tế và sản lượng điện hao hụt trong khoảng thời gian từ ngày 17/10/2019 đến 14/11/2019 và 11/11/2019 đến 13/11/2019. Sau đó, Công ty Đ đã thông báo nhưng Công ty M không lên làm việc, cũng không có ý kiến gì nên bị đơn đã ra văn bản thông báo nguyên đơn về việc Công ty M đã nộp đúng và nộp đủ tiền bồi thường. Căn cứ để tính tiền bồi thường theo các văn bản của điện lực và hợp đồng giữa hai bên

Đối với vi phạm trong khoảng thời gian tháng 1, 3, 4, 6 của Công ty M tại giai đoạn sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc bồi thường của Công ty M đã được tính đúng, tính đủ theo hợp đồng mua bán điện giữa hai bên và các văn bản hướng dẫn của điện lực. Công ty M đã thực hiện hành vi trộm cắp điện, vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng mua bán điện đã ký giữa hai

bên và vi phạm Luật Điện lực. Phương pháp xác định sản lượng điện hao hụt và tiền bồi thường đối với hành vi gian lận đúng theo các văn bản hướng dẫn của điện lực như Quyết định số 31/2006/QĐ-BCT; Thông tư 27 ngày 31/10/2013 của Bộ Công thương, văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BCT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Sau khi xảy ra vụ việc, Công ty M có văn bản đồng ý tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả và đề nghị Công ty Đ ban hành văn bản kết thúc sự việc. Bị đơn đã tính toán số tiền Công ty M phải bồi thường đúng pháp luật và đúng theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán điện đã ký kết giữa hai bên. Công ty M đã chuyển khoản số tiền bồi thường, khắc phục hậu quả này vào tài khoản của T, chi nhánh của Công ty Đ là xác lập quyền sở hữu cho bị đơn vì Công ty Đ là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước nên không có căn cứ để trả lại số tiền này. Bản án sơ thẩm đã xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp, trong vụ án này phải là tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng mua bán điện giữa hai bên và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định lại quan hệ tranh chấp là là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán điện; xác nhận thỏa thuận bồi thường số tiền 4.648.438.971 đồng đồng là hợp pháp, đã có hiệu lực pháp luật và đã chuyển quyền sở hữu hợp pháp cho Công ty Đ, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm, chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra lại vụ án trộm cắp xảy ra tại Công ty M; không đồng ý các văn bản "tạm tính" của nguyên đơn.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quan điểm như nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về chi phí đóng, cắt điện và khôi phục trạm biến áp là 28.668.000 đồng, không yêu cầu đòi lại khoản tiền này mà chỉ yêu cầu bị đơn trả lại khoản tiền bồi thường tạm nộp để được đóng điện trở lại số tiền 4.648.438.971 đồng. Căn cứ để đòi số tiền bồi thường này nguyên đơn đã trình bày đầy đủ, cụ thể tại phiên tòa sơ thẩm và được ghi nhận trong bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự về cơ bản đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự;

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của bị đơn:

Năm 2013, Công ty M đã ký Hợp đồng mua bán điện với Công ty Đ. Điều 11 của Hợp đồng quy định về các phương thức giải quyết tranh chấp khi có vi phạm là: thương lượng, đề nghị Sở Công thương chủ trì hòa giải hoặc khởi kiện ra Tòa án. Ngày 14/11/2019, trong thời gian thực hiện hợp đồng, Công ty M bị phát hiện có hành vi trộm cắp điện của công ty điện lực. Tuy nhiên công ty điện lực không thực hiện việc giải quyết tranh chấp theo Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên mà chuyển hồ sơ tới Cơ quan cảnh sát điều tra để giải quyết. Trong khi chờ kết luận điều tra của Cơ quan công an, Công ty M đề nghị Công ty Đ đóng điện trở lại để đảm bảo cho việc sản xuất. Trên cơ sở đó, hai bên đã có biên bản làm việc các ngày 16/01/2020 và 17/02/2020 thống nhất để Công ty M tạm nộp tiền bồi thường thiệt hại 4.677.106.971 đồng, trong đó chi chi phí đóng cắt điện là 28.668.000 đồng và tiền bồi thường tạm tính là 4.648.438.971 đồng (mốc thời gian từ ngày 17/10/2019 đến 14/11/2019). Đến ngày 10/5/2021 Công ty Đ có Thông báo số 1424 thông báo cho Công ty M biết về việc công ty đã nộp 4.677.106.971 đồng là đủ và xong nghĩa vụ bồi thường.

Xét thấy, việc Công ty M nộp số tiền 4.677.106.971 đồng cho Công ty Đ chỉ là số tiền tạm nộp trong khi chờ kết quả điều tra cuối cùng của cơ quan điều tra, chưa phải là tiền nộp để bồi thường thiệt hại nhưng Công ty Đ đã tự ý thu số tiền này và không hoàn lại. Vì vậy Công ty M khởi kiện đòi lại số tiền này, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật kiện đòi tài sản là có căn cứ.

Ngày 19/3/2021 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và xác định không có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 23/3/2021 UBND huyện Thủy Nguyên đã nhận được toàn bộ hồ sơ để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. UBND huyện Thủy Nguyên đã nhiều lần yêu cầu Công ty Đ tính toán mức bồi thường để làm căn cứ ra quyết định xử phạt đối với Công ty M nhưng Công ty Đ vẫn giữ quan điểm Công ty M đã bồi thường đủ nên đến nay UBND huyện Thủy Nguyên chưa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Phía Công ty M chỉ chấp nhận bồi thường trên cơ sở kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra và Quyết định xử phạt hành chính của UBND huyện Thủy Nguyên. Do đó Công ty M đòi lại số tiền đã tạm nộp cho công ty điện lực là có căn cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền chi phí đóng cắt điện là 28.668.000 đồng nên đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chi phí đóng, cắt điện; chỉ buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.648.438.971 đồng.

Ngoài ra, theo Kết luận giám định số 7672 ngày 25/5/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, xác định được lượng điện tiêu thụ tối thiểu bị thất thoát trong các tháng 1, 3, 4, 6 của năm 2019 là 346.367,611 KWh. Tuy xác định có thiệt hại xảy ra nhưng không xác định được đối tượng trộm cắp và Công ty điện

lực chưa yêu cầu giải quyết về hành vi trộm cắp trong khoảng thời gian trước ngày 17/10/2019 nên Công ty điện lực có quyền làm đơn tới Cơ quan điều tra để xem xét giải quyết tiếp.

Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa Bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của TAND huyện Thủy Nguyên theo hướng buộc Công ty Đ phải trả Công ty M số tiền 4.648.438.971 đồng. Do bản án sơ thẩm được sửa nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Công ty M và Công ty Đ đã ký Hợp đồng mua bán điện và trong thời gian thực hiện hợp đồng, ngày 14/11/2019 Công ty M bị phát hiện có hành vi trộm cắp điện nhưng Công ty Đ không thực hiện theo phương thức giải quyết tranh chấp khi có vi phạm quy định tại Điều 11 của Hợp đồng mua bán điện giữa hai bên là: thương lượng, đề nghị Sở Công thương chủ trì hòa giải hoặc khởi kiện ra Tòa án mà chuyển hồ sơ tới Cơ quan cảnh sát điều tra để giải quyết theo trình tự thủ tục Tố tụng hình sự. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định Công ty M có hành vi vi phạm trong khoảng thời gian từ ngày 17/10/2019 đến ngày 14/11/2019 và chờ kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an sẽ xác định mức bồi thường cụ thể. Trong thời gian đó, để được đóng điện trở lại Công ty M tạm nộp tiền bồi thường là 4.648.438.971 đồng đồng. Nhưng theo Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an thì không đủ dữ liệu nên không xác định được lượng điện tiêu thụ thực tế và lượng điện hao hụt trong khoảng thời gian vi phạm nói trên. Như vậy, không xác định được thiệt hại xảy ra nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền bồi thường thiệt hại đã tạm nộp 4.677.106.971 đồng nên quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp kiện đòi tài sản (tiền) quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, quan điểm của bị đơn về việc xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là kinh doanh thương mại tranh chấp bồi thường thiệt hại theo hợp đồng là không có căn cứ. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ việc:

Ngày 14/11/2019 T (chi nhánh của Công ty Đ) phát hiện hành vi trộm cắp điện (tháo dỡ niêm phong kẹp chì tại tủ đo đếm, tháo dỡ nắp che hàng kẹp, sử dụng dây điện đấu ngắn mạch...) của Công ty M nên đã lập biên bản sự việc, biên bản vi phạm. Sau đó, giữa hai bên đã thống nhất thời gian vi phạm tính theo Điều 32 Thông tư 27/2013/BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công thương: "Trong trường hợp không xác định được thời điểm vi phạm thì khoảng thời gian vi phạm được

tính từ ngày kiểm tra điện gần nhất ... đến khi phát hiện nhưng không quá 12 tháng". Theo đó, tại các biên bản làm việc các ngày 10/01/2020; 11/02/2020; 17/02/2020 nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định khoảng thời gian vi phạm tạm tính từ ngày 17/10/2019 đến ngày 14/11/2019, với số tiền bồi thường thiệt hại tạm tính là 4.648.438.971 đồng; chi phí đóng, cắt điện: 28.668.000 đồng; tổng cộng là 4.677.106.971 đồng.

[3] Hai bên cũng thống nhất phương án giải quyết: Công ty M nộp tiền bồi thường thiệt hại tạm tính nói trên và Công ty Đ cấp điện trở lại cho Công ty M. Do cơ quan điều tra đang thụ lý, giải quyết vụ việc nên sau khi có kết quả giám định hình sự xác định cụ thể giá trị bồi thường, nếu số tiền nộp còn thiếu thì bên mua điện (Công ty M) cam kết nộp đầy đủ, nếu số tiền nộp thừa thì bên bán điện (Đ) trả lại. Bên mua điện thanh toán đầy đủ chi phí đóng, cắt điện trở lại theo khoản 4 Điều 31 Thông tư 27/2013/BCT.

[4] Thực hiện theo nội dung trên, Công ty M đã tạm nộp tiền bồi thường đối với hành vi trộm cắp điện từ ngày 17/10/2019 đến ngày 14/11/2019 vào tài khoản của Công ty Đ đủ số tiền 4.677.106.971 đồng nói trên. Và Công ty Đ đã cấp điện trở lại cho Công ty M.

[5] Kết luận giám định số 7672/C09-P6 ngày 25/5/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

"...- Không phát hiện thấy dấu hiệu bất thường ở phần bên ngoài của các đối tượng giám định.

- Công tơ điện loại DTS27, 03 máy biến áp đo lường trung thế ngoài trời và 02 mày biến dòng đo lường trung thế ngoài trời gửi giám định vẫn còn nguyên kẹp chì theo đúng quy định. Máy biến dòng trung thế ngoài trời có một bên không kẹp chì theo đúng quy định.

- Không phát hiện thấy vật thể lạ được đấu nối ở bên trong của các đối tượng gửi giám định.

- Tại thời điểm giám định các đối tượng trên vẫn đảm bảo đạt yêu cầu kxy thuật đo lường Việt Nam.

- Đầu nối theo sơ đồ đấu dây công tơ điện ba pha ba phần tử thì chỉ số công tơ điện ghi nhận được bình thường.

- Kết quả thực nghiệm cho thấy khi có tác động can thiệp từ bên ngoài vào hàng kẹp trước công tơ (như bản ảnh do cơ quan điều tra cung cấp) thì chỉ số đo đếm điện năng của công tơ ghi nhận được bị giảm đo so với bình thường từ 73% đến 83%.

- Căn cứ các tài liệu, dữ liệu do cơ quan điều tra cung cấp thì xác định được lượng điện tiêu thụ tối thiểu bị thất thoát trong các tháng của năm 2019

(tháng 1, 3, 4, 6) là 346.367,611kWh. Do không đủ dữ liệu nên không thể xác định được lượng điện bị thất thoát trong các tháng 2, 5, 7, 11.

- Do không đủ dữ liệu nên không xác định được lượng điện tiêu thụ thực tế và lượng điện hao hụt trong khoảng thời gian từ 17/10/2019 đến 14/11/2019 và từ ngày 11/11/2019 đến ngày 13/11/2019"

[6] Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã có Kết luận không khởi tố vụ án hình sự số 02/QĐ-CSHS (Đ6) ngày 19/3/2021 về việc không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trộm cắp điện xảy ra tại Công ty M.

- Xét kháng cáo của bị đơn - Đ:

[7] Bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét dấu hiệu bỏ lọt tội phạm trộm cắp tài sản, chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra lại vụ án trộm cắp tài sản xảy ra tại Công ty M: Xét thấy vụ việc vi phạm đồng mua bán điện tại Công ty M đã được Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 02/QĐ-CSHS (Đ6) ngày 19/3/2021 nên yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ.

[8] Đối với sản lượng điện bị thất thoát trong các tháng 1, 3, 4, 6 năm 2019 do các bên chưa thỏa thuận, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm Công ty Đ không yêu cầu giải quyết nên nếu các bên có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[9] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi xảy ra hành vi trộm cắp điện của Công ty M, Công ty Đ đã lựa chọn giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, trình báo Cơ quan công an giải quyết tin báo tố giác tội phạm. Xét thấy trong các biên bản làm việc giữa hai bên cũng như với các cơ quan liên quan vào các ngày 10/01/2020, 11/02/2020 và 17/02/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất khoảng thời gian vi phạm từ ngày 17/10/2019 đến ngày 14/11/2019; thống nhất tiền bồi thường thiệt hại tạm nộp là 4.648.438.971 đồng. Sau khi Công ty M nộp số tiền bồi thường tạm tính này cùng với chi phí đóng, cắt điện, khôi phục trạm biến áp, Công ty Đ sẽ cấp điện trở lại cho Công ty M trong khi chờ kết luận giám định của Viện khoa học hình sự, Bộ công an để giải quyết vụ việc tại Cơ quan điều tra. Đồng thời nguyên đơn và bị đơn cũng thỏa thuận căn cứ vào kết luận giám định để giải quyết khoản tiền bồi thường tạm nộp của Công ty M, thừa thì bên bán điện trả lại; thiếu bên mua điện nộp thêm. Sau khi có kết luận giám định của Viện khoa học hình sự, Bộ công an, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 02/QĐ-CSHS (Đ6) ngày 19/3/2021 và chuyển hồ sang UBND huyện Thủy Nguyên để xử phạt vi phạm hành chính nhưng đến nay chưa xử phạt được do UBND huyện Thủy Nguyên đã yêu cầu Công ty Đ xác định chính xác sản lượng điện trộm cắp và số tiền bồi thường tương ứng đối với hành vi vi phạm của Công ty M nhưng Công ty Đ không xác định sản lượng

điện bị hao hụt. Như vậy việc giải quyết vi phạm của Công ty M theo trình tự tố tụng hình sự về giải quyết tin báo tố giác tội phạm đã chấm dứt. Kết luận giám định số 7672/C09-P6 ngày 25/5/2020 của Viện khoa học hình sự, Bộ công an kết luận khoảng thời gian vi phạm các bên xác định từ ngày 17/10/2019 đến ngày 14/11/2019 không đủ dữ liệu nên không xác định được lượng điện tiêu thụ thực tế và sản lượng điện hao hụt trong khoảng thời gian trên. Vì hai bên đã thống nhất việc bồi thường cụ thể phải chờ kết quả của Kết luận giám định; mà theo Kết luận giám định không đủ dữ liệu để xác định được thiệt hại cụ thể nên không có căn cứ buộc Công ty M phải bồi thường cho Công ty Đ số tiền bồi thường thiệt hại tạm tính là 4.648.438.971 đồng.

[10] Đối với chi phí đóng, cắt điện và khôi phục trạm biến áp 28.668.000 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty M là tự nguyện, Công ty Đ không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại số tiền bồi thường tạm nộp là 4.648.438.971 đồng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với chi phí đóng, cắt điện và khôi phục trạm biến áp 28.668.000 đồng.

[12] Tuy nhiên, cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm vì trong vụ án này xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là T. T là một Chi nhánh của Công ty Đ, không có tư cách pháp nhân độc lập nên không xác định là một chủ thể trong quan hệ pháp luật tố tụng.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Công ty M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Công ty Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 112.000.000 đồng + [0,1% x (4.648.438.971 đồng - 4.000.000.000 đồng)] = 112.648.438 đồng.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bị đơn Công ty Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 158; 163; 164; 166 của Bộ luật Dân sự

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại khoản tiền chi phí đóng, cắt điện và khôi phục trạm biến áp số tiền 28.668.000 đồng.

Sửa Bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ phải trả lại số tiền bồi thường tạm thu là 4.648.438.971 (Bốn tỉ sáu trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại khoản tiền chi phí đóng, cắt điện và khôi phục trạm biến áp số tiền 28.668.000 đồng.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn Công ty M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015927 ngày 15/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ phải nộp 112.648.438 (Một trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ không phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008171 ngày 05/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Công ty M, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thu